

Số: 44/NQ-HĐND

Thới An Đông, ngày 19 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG THỚI AN ĐÔNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 270/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 271/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định 3023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Xét Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của phường Thới An Đông, như sau:



A. Phân bổ dự toán thu

Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn phường Thới An Đông, được phân bổ như sau:

Đơn vị: triệu đồng

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2026:	64.575
Bao gồm:	
- Thu thuế - phí, lệ phí:	63.095
- Thu khác ngân sách:	1.480
2. Tổng thu ngân sách cấp phường năm 2026:	180.943
Bao gồm:	
- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp:	25.020
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	155.923
- Thu kết dư:	0
- Thu chuyển nguồn năm trước mang sang:	0

(Kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II)

B. Phân bổ dự toán chi

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026 là 180.943 triệu đồng, được phân bổ như sau:

Đơn vị: triệu đồng

1. Chi cân đối ngân sách năm 2026 theo lĩnh vực:	175.903
- Chi đầu tư phát triển:	38.150
- Chi thường xuyên:	134.304
Trong đó có kinh phí:	
+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề:	85.534
+ Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	426
- Dự phòng ngân sách:	3.449
2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên	5.040
Sự nghiệp giáo dục (miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập)	707
Sự nghiệp Đảm bảo xã hội -	4.033
Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	300

(Kèm theo Phụ lục III, IV, V, VI)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông khóa XII, kỳ họp thứ Năm thông qua và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT HĐND thành phố Cần Thơ;
- UBND thành phố Cần Thơ;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Kho bạc nhà nước khu vực XIX;
- Thuế cơ sở 3 thành phố Cần Thơ;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Phòng, ban, ngành phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Hoàng Thủy Trinh





Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=3-2</i>	<i>5=3/2</i>
I	Nguồn thu ngân sách	122.523	155.670	180.943	25.273	116,23
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	6.314	6.314	25.020	18.706	396,26
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	103.754	136.901	155.923	19.022	113,89
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	103.754	103.754	118.959	15.205	114,65
-	Thu bổ sung có mục tiêu	0	33.147	5.040	-28.107	15,20
-	Thu thực hiện CCTL			31.924	31.924	0,00
3	Thu kết dư	2.649	2.649		-2.649	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	9.806	9.806		-9.806	
II	Chi ngân sách	109.244	103.782	180.943	71.699	165,63
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách phường	109.244	103.782	180.943	71.699	165,63
2	Chi từ thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				0	



Phụ lục II

**ĐƯ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG
THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	CHỈ TIÊU	Dự toán thành phố giao	Dự toán HĐND phường giao
1	2	3	4
*	TỔNG CỘNG (A + B)		
A	THU NỘI ĐỊA (I+II+III+IV)	64.575	64.575
I	Thu thuế - phí, lệ phí	63.095	63.095
1	Thu từ các DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ các DNNN do địa phương quản lý	170	170
	- Thuế giá trị gia tăng	20	20
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	150	150
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thuế khu vực CTN, dịch vụ ngoài QĐ	26.635	26.635
	- Thuế giá trị gia tăng	22.780	22.780
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.715	3.715
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	50	50
	- Thuế tài nguyên	90	90
a	Doanh nghiệp	21.925	21.925
	- Thuế giá trị gia tăng	18.120	18.120
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.715	3.715
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
	- Thuế tài nguyên	90	90
b	Hộ cá thể	4.710	4.710
	- Thuế giá trị gia tăng	4.660	4.660
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	50	50
5	Thu tiền sử dụng đất	16.000	16.000
6	Thu tiền thuê đất		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	1.000
8	Thu tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		
9	Thuế thu nhập cá nhân	8.090	8.090
10	Lệ phí trước bạ	10.900	10.900
11	Phí - lệ phí	300	300
a	Phí trung ương	230	230
b	Phí địa phương	70	70
12	Thuế bảo vệ môi trường		
II	Thu khác ngân sách	1.480	1.480
	- Thu khác NS trung ương	1.230	1.230
	- Thu khác NS địa phương	250	250
III	Thu Xổ số kiến thiết		
IV	Thu Cổ tức, lợi nhuận		
B	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU		



Phụ lục III

**ĐƯỚI TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026**

*(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)*

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	180.943
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	180.943
I	Chi đầu tư phát triển	38.150
a	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	7.629
	- Chưa phân bổ chi tiết	7.629
b	Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21.356
	- Chưa phân bổ chi tiết	21.356
c	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	9.165
	- Chưa phân bổ chi tiết	9.165
II	Chi thường xuyên	139.344
	<i>Trong đó có kinh phí:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	82.539
2	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	426
III	Dự phòng ngân sách	3.449
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	



Phụ lục IV

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	180.943
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC	180.943
I	Chi đầu tư phát triển	38.150
a	Kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết	38.150
II	Chi thường xuyên	139.344
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	82.539
2	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	426
3	Chi quốc phòng	2.776
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.710
5	Chi văn hóa thông tin	986
6	Chi phát thanh	356
7	Chi thể dục thể thao	356
8	Chi bảo vệ môi trường	1.805
9	Chi các hoạt động kinh tế	2.707
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	25.053
	- Quản lý nhà nước	11.280
	- Đảng	6.394
	- UBMTTQ và các cơ quan giúp việc	4.412
	- Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ chi phát sinh đột xuất	2.967
11	Chi bảo đảm xã hội	14.062
12	Chi thường xuyên khác	1.364
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương	2.718
14	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện chi các chính sách an sinh xã hội	2.486
III	Dự phòng ngân sách	3.449
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-



Phụ lục V

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	$I = 2 + \dots + 6 + 9$	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	180.943	38.150	139.344	3.449	-	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	177.494	38.150	139.344	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng Đảng ủy	6.652		6.652						
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4.601		4.601						
3	Văn phòng HĐND và UBND	10.032		10.032						
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	7.265		7.265						
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	16.919		16.919						
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	897		897						
7	Trường Mầm non Hoa Hồng	3.219		3.219						
8	Trường Mầm non Trà An	4.411		4.411						
9	Trường Mầm non Thới An Đông	3.442		3.442						
10	Trường Tiểu học Trà An	7.880		7.880						
11	Trường Tiểu học Trà Nóc 2	7.860		7.860						
12	Trường Tiểu học Trà Nóc 4	6.160		6.160						
13	Trường Tiểu học Thới An Đông 1	7.239		7.239						
14	Trường Tiểu học Thới An Đông 2	3.931		3.931						
15	Trường Trung học cơ sở Trà An	19.444		19.444						
16	Trường Trung học cơ sở Thới An Đông	9.863		9.863						
17	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Công an	140		140						
18	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ phát sinh	19.389		19.389						
19	Kinh phí chưa phân bổ chi tiết	38.150	38.150	-						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	3.449			3.449					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-								
IV	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	-								
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-								



Phụ lục VI

ĐU TOÀN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Thới An Đông)

Đơn vị: triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Tổng số	Chi Giáo dục và Đào tạo	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Chi Quốc phòng	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	Chi văn hóa Thông tin	Chi Phát thanh	Chi Thể dục Thể thao	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó:			Chi đảm bảo xã hội	Chi khác	Tiết kiệm 20%
													Chi các hoạt động kinh tế khác	Chi giao thông	Chi nông nghiệp			
A	B	$1=2+...+11+16+17$	2	3	4	5	6	7	8	9	10	$11=12+13+14$	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG	139.344	82.539	426	2.776	1.710	986	356	356	25.053	1.805	2.707	2.707	0	0	14.062	1.364	5.204
1	Văn phòng Đảng ủy	6.652								6.394								258
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	4.601								4.412								189
3	Văn phòng HĐND và UBND (bao gồm BCH quân sự)	10.032			2.276	1.210				5.890								656
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	7.265								2.160	1.805	2.707	2.707		-			593
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	16.919	100	100			200	100	100	2.238						13.746	-	335
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	897								852								45
7	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Công an	140								140								
8	Kinh phí phục vụ nhiệm vụ phát sinh	19.389	11.511	326	500	500	786	256	256	2.967						316	1.364	607
9	Trường Mầm non Hoa Hồng	3.219	3.069															150
10	Trường Mầm non Trà An	4.411	4.233															178
11	Trường Mầm non Thới An Đông	3.442	3.257															185
12	Trường Tiểu học Trà An	7.880	7.621															259
13	Trường Tiểu học Trà Nóc 2	7.860	7.601															259
14	Trường Tiểu học Trà Nóc 4	6.160	5.960															200
15	Trường Tiểu học Thới An Đông 1	7.239	6.993															246
16	Trường Tiểu học Thới An Đông 2	3.931	3.798															133
17	Trường Trung học cơ sở Trà An	19.444	18.843															601
18	Trường Trung học cơ sở Thới An Đông	9.863	9.553															310

